TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:16/2017/HNGĐ- ST
Ngày 30/8/2017.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Thu – Chủ tịch Hội phụ nữ xã Đại Đồng.

2.Ông Nguyễn Đăng Luân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Loan – Kiểm sát viên

Ngày 30/8/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXX-ST ngày 07/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Th, sinh năm 1993(có mặt)
Địa chỉ: Xóm 1, xã Tr, huyện G, thành phố Hà Nội
Bị đơn: Anh Trần Thế T, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn Ch, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 6 năm 2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T, nguyên đơn chị Tạ Thị Th trình bày như sau:

Chị Th kết hôn với anh T vào tháng 6 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn Ch, xã L. Vợ chồng sống hòa thuận , hành phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghiện chất ma túy, vợ chồng không hợp nhau, không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, không có biện pháp để đoàn tụ. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Tiến Kh, sinh ngày 15/01/2013. Hiện tại chị Th đang trực

tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 2 triệu đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ: Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Ngoài nội dung trên chị Th không trình bày, yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Toà án bị đơn là anh Trần Thế T trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh T xác nhận về thời điểm kết hôn và quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị Th là đúng. Nay chị Th có đơn ly hôn, anh T xác định vẫn còn tình cảm anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Tiến Kh, sinh ngày 15/01/2013. Hiện tại chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng nếu phải ly hôn anh T đồng ý để chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và anh T nhất trí đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Th là 2 triệu đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh không đồng ý ly hôn và đề nghị chị Th nuôi 02 con chung, anh có trách nhiệm đóng góp phí tồn nuôi con là 2 triệu đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm về việc chấp hành và tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Toà án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử vào hồi 10 giờ 00’ ngày 24/8/2017, Toà án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên toà cho các đương sự nhưng bị đơn là anh T vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết

định hoãn phiên toà theo quyết định số 11/2017/QĐ-HPT ngày 24/8/2017. Phiên toà được mở lại vào hồi 7giờ30’ ngày 30/8/2017, các đương sự đã nhận được quyết định hoãn phiên toà và nguyên đơn là chị Th có mặt tại phiên toà, bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Tuấn.

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Tạ Thị Th đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Thế T có địa chỉ: thôn Ch, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Th kết hôn cùng anh Trần Thế T vào tháng 6/2011 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T. Việc kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện do luật định nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Chị Th xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn với chị Th nhưng cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn trong cuộc sống giữa vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy: Cuộc sống chung giữa họ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân như anh T đề nghị thì quan hệ hôn nhân chỉ tồn tại về mặt hình thức, vi phạm các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Từ những căn cứ trên, xét thấy đơn xin ly hôn của chị Th là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Tiến Kh, sinh ngày 15/01/2013. Hiện tại chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 2 triệu đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy: Chị Th, anh T tự nguyện thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 26/7/2017 sau khi ly hôn vẫn giữ nguyên tình trạng nuôi con hiện nay và anh T tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con là 2 triệu đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, nhưng tại phiên tòa anh T vắng mặt nên không thể ghi nhận sự thỏa thuận về con chung được. Do đó, căn cứ vào điều kiện của chị Th và tránh mọi sự sáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến tâm sinh lý cho cháu nên xét thấy cần giao con chung là cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Tiến Kh, sinh ngày 15/01/2013 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định của pháp luật. Anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn; anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 147, 203, 220, 227, 228 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tạ Thị Th, cho chị Tạ Thị Th được ly hôn anh Trần Thế T.

2.Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Tiến Kh, sinh ngày 15/01/2013 cho chị Tạ Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con 2 triệu đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị Tạ Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2012/0000046 ngày 13/6/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tiên Du. Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Trần Thế T phải chịu 300.000đ phí tổn cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Bình

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh*
- *VKSND huyện Tiên Du*
- *Chi cục THADS huyện Tiên Du.*
- *UBND xã Cảnh Hưng*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng*